

NGƯỜI CON TRUNG DŨNG CỦA QUÊ HƯƠNG SÓC TRĂNG ĐỒNG CHÍ LƯU KHÁNH ĐỨC

(1922 - 1971)

Khoảng gần cuối thế kỷ 19, ông Lưu Kỳ từ bên Trung Quốc tha hương cầu thực sang Việt Nam. Đi từ miền Bắc đến miền Nam và đã đến vùng Mái Dầm thuộc tỉnh Cần Thơ kết duyên cùng bà Huỳnh Thị Ngổ là nông dân nghèo. Sau đó, theo dòng sông Hậu về Đại Ngãi, đến vùng Phú Hữu, Sóc Trăng họ dừng lại khẩn hoang. Nơi đây đất màu mỡ nhưng dân cư thưa thớt, rừng um tùm, thú dữ còn nhiều, vùng này nước ngọt quanh năm, trồng lúa rất tốt, cây trái xanh tươi.

Năm đầu quần quật mình trần, chân đất cùng rựa, búa, cuốc cày vất lộn với đất. Cuối năm, lúa trúng trên 10 gạ mỗi công đất, như được trời cho, mừng vô hạn từ 5 công đất khẩn hoang đầu tiên, ông Lưu Kỳ tiếp tục khẩn hoang đến 20 công. Cuộc sống ngày càng ổn định hơn. Hai người con trai Lưu Tùng, Lưu Hụi ra đời, gia đình ngày càng ấm áp hơn. Nhưng những ngày vất vả, đói nghèo cơm không dám ăn no, ngũ không thẳng giấc đã cướp dần sức khỏe và khi vừa được 30 tuổi bà Ngổ đã chết trong căn bệnh ngặt nghèo. Ông Lưu Kỳ phải sống cảnh gà trống nuôi con, đưa con lớn mới 10 tuổi. Lớn lên, Lưu Tùng, Lưu Hụi mạnh khỏe, dễ dạy, thương cha chí thú lo làm ăn, tiếp tục con đường khẩn hoang của cha mẹ, từ 20 công đất đã lên đến 50 công.

Đến tuổi trưởng thành, Lưu Tùng có vợ là Nguyễn Thị Chín là con gái diu hiền, đẹp người, đẹp nét, biết chữ nghĩa. Từ khi về làm dâu nhà họ Lưu, bà Chín đã làm thay đổi hẳn cuộc sống gia đình này. Ngoài nghề ruộng rẫy, bà có thêm nghề buôn bán nên gia đình mau khá, mua thêm nhiều đất đai. Cha mẹ, con cháu đoàn kết êm thấm làm ăn, là tấm gương tốt cho xóm làng học hỏi.

Năm 1922, bà Chín sanh được đứa con đầu lòng, mạnh khỏe, kháu khỉnh. Gia đình Lưu - Nguyễn giờ ấm cúng thêm khi có tiếng khóc trẻ thơ. Với ý nghĩ ở đời phải có đức là chính, nên gia đình đã đặt tên cho con là Lưu Khánh Đức. Lưu Khánh Đức lớn lên được cha mẹ cho đi học, rất sáng dạ, học đâu biết đó, siêng năng lao động giúp cha mẹ việc nhà. Gia đình rất mừng, học hết trường làng Đại Ngãi, ra Sóc Trăng học trường Tabe. Không phải là người công giáo, nhưng thấy nhiều người theo đạo có tên thánh, bà Chín gọi con là Mi-Sên Đức, dần dần quen thành tên thường dùng.

Mi-Sên Đức lớn lên, ngày càng tỏ ra là chàng trai hiếu thảo, hiếu học, dũng mãnh ở các môn thể thao nhất là bóng đá. Lưu Khánh Đức to người, cao ráo, được học võ nghệ nên rất nhanh nhẹn và có kỹ thuật đá bóng khéo léo. Trong đội banh trường Tabe anh thủ vai hậu vệ, đủ sức truy cản hàng tấn công của đối phương. Trận nào có anh tham dự, đối phương khó thắng đội nhà. Tuy anh còn trẻ, nhưng đội tuyển thanh niên Sóc Trăng mến mộ tài nghệ mời anh tham gia đội bóng. Có những trận đấu mấy thằng Tây lắc đầu thán phục vì những cú đá lắc léo, sủa lưng của anh. Lưu Khánh Đức đã nổi danh trong tỉnh và các tỉnh bạn Cần Thơ, Long Xuyên, Bạc Liêu...

Học xong tiểu học ở Sóc Trăng đậu hạng giỏi, anh lên Cần Thơ học trung học. Người mẹ đảm đang Nguyễn Thị Chín cố gắng lo liệu để Lưu Khánh Đức được ăn học.

Lúc này, trong nhà trường từ Sóc Trăng đến Cần Thơ học sinh cũng rộn ràng suy nghĩ về quốc sự, các vùng Trường Khánh, Phú Hữu, Đại Ngãi đã lập ra Hội ái hữu nông dân. Nhiều thầy giáo tiến bộ dạy viết văn, sử, địa, đã khơi dậy lòng yêu nước, trong các báo chí, thơ văn trong nước đã đăng tải hoặc lưu hành trong nội bộ những bài thơ, ca yêu nước nóng bỏng của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... và cả thơ mới với những câu làm ray rứt thanh niên.

Hỡi những ai con Lạc cháu Hồng

Hỡi ai tha thiết với non sông

Mắt nhìn dân tộc đang điêu đứng

Hỏi bạn trong lòng có xót không ?

Ở Trường Khánh, kể xã anh có người lớn hơn anh 10 tuổi, gia đình khá giả, nổi tiếng học giỏi đã tham gia cách mạng, làm cộng sản, bao lần bị tù đầy cũng không dập tắt được lòng yêu nước. Người đó là ông Dương Kỳ Hiệp, anh gọi bằng chú bà con xa, chủ “Thanh niên thư quán” ở Sóc Trăng nơi mà anh thường lui tới đọc sách báo và nghe bàn về tình hình thời sự. Những lời phân tích sâu sắc của chú Hiệp đã làm anh sáng mắt, sáng lòng. Anh kiên quyết theo con đường của chú Chín đi và anh được chú phân công lãnh đạo đội banh.

Vào khoảng tháng 9 năm 1939, Thanh niên thư quán bị mật thám từ Cần Thơ xuống vây bắt chú Chín Hiệp và ông Châu Ngọc Lân. Một năm sau, chú Chín Hiệp mãn tù, Lưu Khánh Đức mừng vô hạn, gặp nhau chú cháu tâm tình, chú Chín dặn dò kỹ lưỡng phải bám sát phong trào thể dục, thể thao đang lên ở Sóc Trăng, cố gắng rèn luyện thân thể và chăm bồi lòng yêu nước cho thanh niên.

Ngày 23 tháng 11 năm 1940, nông dân vùng Hòa Tú nổi dậy cướp chính quyền. Thực dân Pháp trả thù man rợ, đàn áp, bắn giết, tù đầy những người yêu nước. Chúng căm thù người dân Hòa Tú theo cộng sản. Ở Sóc Trăng nếu dân Hòa Tú đi ra chợ tỉnh, chúng tìm cách bắt bớ hoặc theo dõi gắt gao. Người dân Sóc Trăng tự hào vì có Hòa Tú 1940, thanh niên Sóc Trăng quyết theo bước chân Hòa Tú.

Đậu trung học ở Cần Thơ, Lưu Khánh Đức được cha mẹ đưa lên trường Tabé ở Sài Gòn. Học được vài tháng, không thể nào học được, anh nhớ Sóc Trăng da diết, nhớ những cánh đồng bát ngát, nhớ những người thân nông dân dễ thương lam lũ cấy cày, nhớ nhiều những trận đá banh cùng bè bạn với những tràng pháo tay liên hồi tán thưởng. Những mái trường, ngôi nhà, con đường và những bè bạn quen thân cứ lớn vờn trong tâm trí. Nhất là nhớ đến chú Chín Hiệp, người đã mở mang trí óc, dạy cho anh điều hay lẽ phải, chỉ ra con đường cách mạng phải đi.

Anh về quê báo với cha mẹ rằng mình học không nổi nữa, tình hình giặc giã khó khăn quá, thích ra làm việc. Cha mẹ đành phải chịu, anh về Sóc Trăng nhưng ít khi về nhà, đi khắp nơi cùng bè bạn say sưa công việc.

Năm 1942, Lưu Khánh Đức được hai mươi tuổi, ông bà Lưu Tùng đã chọn cô Thắm, con ông cả Nguyễn Văn Trừ ở Phú Lộc, ông Cả Trừ là người có uy tín nhất ở Phú Lộc, trong làng xóm ai có điều gì xích mích mời ông đến, được ông phân tích hòa giải, thì mọi việc đều êm xuôi. Cô Thắm duyên dáng dễ thương, đảm thắm nét na, giỏi giang và đã đậu bằng tiểu học.

Là người con có hiếu, Khánh Đức đồng ý sánh duyên cùng cô Nguyễn Thị Thắm. Có vợ rồi nhưng Khánh Đức vẫn đi đó đây, vẫn say sưa công việc. Anh thường lui tới Quán cơm Thanh niên của chú Chín Hiệp ở đường Đại Ngãi, cùng trao đổi tình hình với các bạn, khi thì học võ nghệ, học thơ ca, nhạc kịch, khi nghe các bậc đàn anh diễn thuyết hoặc đọc báo chí. Những bài hát lịch sử “Chi lăng”, “Bạch Đằng giang”, “Hồn sông Gianh”, “Tiếng gọi Thanh niên”, “Hồn Tử sĩ”, “Xếp Bút nghiên”,... đã xoáy sâu vào tâm não, hồn dân tộc dâng lên, tình yêu nước rạo rục nâng bổng bước chân anh và bè bạn.

Từ đầu năm 1942 đến đầu năm 1945, cơ sở Đảng và quần chúng bắt đầu khôi phục tổ chức, có phương hướng hoạt động. Những người yêu nước ở Sóc Trăng hoạt động hăng hái nhiệt tình ở Hội ái hữu nông dân, ở các nghiệp đoàn thợ bạc, giáo chức và ngay cả công chức trong bộ máy của thực dân Pháp. Những người nổi bật như Dương Kỳ Hiệp, Phan Văn Tấn, Phan Văn Hoàn, Phan Văn Chiêu, Nguyễn Văn Phòng, Trà Văn Tốt, Nguyễn Thảo Hiền, Phạm Song Mỹ... Các nữ đồng chí như Trương Thị Thu, Huỳnh Thị Nguyệt ngoài vận động phong trào phụ nữ, còn tiếp xúc với binh sĩ yêu nước ở Sóc Trăng.

Năm 1943, Lưu Khánh Đức vui mừng khôn xiết khi biết vợ sinh đứa con trai đầu lòng. Nhưng nỗi vui mừng đó chưa được bao lâu thì anh hay tin chẳng lành: Con trai anh bị bệnh chết.

Tình lý Sóc Trăng cách quê nhà Phú Hữu đường chim bay 6 đến 7 cây số, đi đường vòng chưa hơn 10 cây, thế mà có khi cả 5 - 6 tháng Lưu Khánh Đức vẫn không về nhà, vì biết bao công việc dồn dập. Tình hình đất nước chuyển mình từng phút, từng giây, các anh lao vào nhiệm vụ quên cả ngày tháng, quên cả mệt mỏi. Nhiều lần anh chân thành xin lỗi, mong muốn được sự thông cảm của cha mẹ và người vợ hiền đảm đang chung thủy.

Tháng 2 năm 1945, Lưu Khánh Đức được danh dự đứng trong hàng ngũ Đảng Cộng sản. Anh đã đưa cánh tay gân guốt của mình thề suốt đời hy sinh vì Đảng, vì dân, vì Tổ quốc...

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp. Ở Sóc Trăng, nghe tin này bọn thực dân Pháp vô cùng hoang mang, tên Chủ tỉnh Bạc-Ten lấy hết tiền trong Ngân khố tỉnh rồi bỏ trốn. Nhật chiếm các công sở, bắt giam những tên Pháp chưa kịp chạy trốn và truy kích bọn Pháp trên đường chạy xuống Bạc Liêu. Tên Võ Văn Đánh, tay sai của Pháp được Nhật cử làm Tỉnh trưởng Sóc Trăng. Trước tình hình chính trị không ổn định, anh Phan Mỹ Nhật, Võ Văn Hai đã tập hợp thanh niên yêu nước thành lập Đội Thanh niên bảo an, tích cực vận động công chức và binh lính địch mua súng đạn của Nhật, lấy súng Pháp xây dựng lực lượng cách mạng Sóc Trăng.

Lưu Khánh Đức tranh thủ về thăm nhà, gặp lại bà con, xóm làng mừng rỡ, bao lời thăm hỏi nôn nao về tình thế cách mạng sắp tới. Không được bao lâu anh lại từ giã ra đi, cha anh đưa cây súng 2 nòng của ông mua chống cướp và đưa người con trai Lưu Khánh Diệp tự Tý theo anh làm cách mạng. Mẹ và vợ nhìn anh mừng lo, rơi nước mắt. Anh nghẹn ngào cất bước, bên ngoài vang lên tiếng hát hùng dũng thúc giục của thanh niên quê anh luyện tập quân sự.

Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đường,...

Nào thanh niên ơi đứng lên đáp lời sông núi,....

Nhận tin khởi nghĩa thắng lợi vang dội khắp nơi, Sóc Trăng chuẩn bị mọi mặt. Ngày 20 tháng 8 năm 1945 tại “Quán cơm Thanh niên”, Tỉnh ủy Sóc Trăng họp bàn kế hoạch giành chính quyền và ngày 25 tháng 8 năm 1945, hàng chục ngàn người dân Kinh, Khmer, Hoa từ khắp nẻo đường tràn vào thị xã Sóc Trăng trưng băng, cờ, khẩu hiệu, cờ đỏ sao vàng bay phất phới, tầm vông, dao mác, súng rơm rập tiến vào giành chính quyền, khí thế quân chúng cách mạng áp đảo kẻ thù. Tên tay sai Võ Văn Đánh tuyên bố giao chính quyền cho Việt Minh và xin được tha tội. Ông Dương Kỳ Hiệp được cử làm Chủ tịch Ủy ban Hành chánh tỉnh Sóc Trăng. Trên diễn đàn, ông đồng dục tuyên bố bãi bỏ chính quyền thực dân phong kiến, bãi bỏ mọi chính sách của chính quyền Pháp - Nhật. Người dân Sóc Trăng ngẩng cao đầu, hít thở không khí độc lập, tự do, có người mừng đến rơi nước mắt.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, đưa nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến thành một nước độc lập, tự do, dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới.

Được chủ trương của Xứ ủy, tỉnh Sóc Trăng tổ chức đón rước tù chính trị ở Côn Đảo về đất liền. Với nhiều nỗ lực, ngày 23 tháng 9 năm 1945 Đoàn đã về đến trường Franois-Xavier, trong Đoàn có những lãnh tụ như Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Linh,...

Đồng chí Lưu Khánh Đức và đồng chí Nguyễn Thảo Hiền, được phân công phụ trách công tác bảo vệ. Các đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình và được các đồng chí lãnh đạo khen ngợi.

Ngày 23 tháng 9, quân Pháp nổ súng đánh Sài Gòn, cuộc kháng chiến chống Pháp lại tiếp tục.

Tỉnh ủy và Ủy ban tỉnh Sóc Trăng khẩn trương củng cố, tăng cường lực lượng vũ trang, nhiều cán bộ đảng viên, đoàn viên được điều động về ngành quân sự và công an tỉnh.

Ngày 30 tháng 10 năm 1945, địch chiếm tỉnh Cần Thơ. Ngày 7-11-1945, tỉnh Sóc Trăng đã chi viện cho mặt trận Cái Răng 1 trung đội Cộng hòa vệ binh do đồng chí Lưu Khánh Đức chỉ huy. Ngoài ra, Sóc Trăng còn chi viện cho mặt trận Cần Thơ nhiều nhân viên y tế, lập trạm cứu thương ở Phụng Hiệp để kịp thời cứu chữa các đồng chí thương binh ở mặt trận Cái Răng chuyển về.

Sau trận đi chi viện Cần Thơ trở về, đồng chí Lưu Khánh Đức được phân công trực tiếp chỉ huy lực lượng Cộng hòa vệ binh.

Cuộc chiến đấu chống Pháp của nhân dân Sóc Trăng đã diễn ra vô cùng anh dũng. Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã hy sinh oanh liệt, là tấm gương học tập và trách nhiệm được tập thể giao, thôi thúc tinh thần tiên công giặc đến cùng ở đồng chí Lưu Khánh Đức.

Được lệnh cấp trên rút về căn cứ Ngan Dừa, Phước Long, Bộ Tư lệnh Khu 9 giao nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang Sóc Trăng kết hợp với Rạch Giá lập mặt trận Vĩnh Phú. Tháng 3 năm 1946, lực lượng Sóc Trăng trở về địa bàn bám trụ, củng cố cơ sở, từng bước gây dựng phong trào kháng chiến. Bộ đội và lực lượng vũ trang

công an Sóc Trăng kết hợp đánh nhỏ, ăn chắc. Anh Giang Văn Ba thường gọi là Giang Pôn giả tây rất giống vì anh có mang dòng máu lai Pháp nên lấy được nhiều đồn địch mà không tốn một giọt máu. Đồng chí Lưu Khánh Đức phối hợp cùng anh Ba đánh lấy đồn Kho Dầu ở thị xã Sóc Trăng, chiến công này đã làm cho quân thù khiếp sợ.

Tháng 3 năm 1947, Tỉnh uỷ Sóc Trăng tổ chức Hội nghị mở rộng tại Rạch Già, làng An Thạnh Nhất, quận Long Phú. Trong Hội nghị, đồng chí Lưu Khánh Đức được chỉ định là Tỉnh uỷ viên, phụ trách quân sự. Đến giữa năm 1947, theo quyết định của Bộ Tư lệnh Quân khu 9, chi đội 123 được thành lập, do đồng chí Lưu Khánh Đức chỉ huy.

Cùng với sự phát triển của phong trào du kích chiến tranh, trong năm 1947, chi đội 123 đã tổ chức đánh nhiều trận trên các tuyến lộ Phú Lộc - Ngã Năm, Bó Thảo - Bà Lui, Ba Rinh - Cống Đồi, làm chết và bị thương hàng trăm tên địch, đánh hỏng 10 xe quân sự.

Tháng 4 năm 1948, cùng với lực lượng vũ trang của Quân khu và tỉnh Cần Thơ, đồng chí Lưu Khánh Đức chỉ huy chi đội 123 đánh trận Tầm Vu lần thứ tư diệt gần 100 tên địch thu gần 200 súng (có 1 đại bác 105 ly). Cuối năm 1948, đồng chí Lưu Khánh Đức chỉ huy chi đội 123 hóa trang tập kích đồn Trà Teo, làng Khánh Hòa, bắt toàn bộ bọn địch, thu 20 súng.

Năm 1949, Bộ Tư lệnh khu 9 phân công đồng chí Lưu Khánh Đức chỉ huy Liên trung đoàn 126 - 128 tỉnh Long Châu Hà. Khác với vùng đồng bằng Sóc Trăng - Cần Thơ - Bạc Liêu, nơi đây địa hình núi non hiểm trở, chia cắt nhưng Lưu Khánh Đức vẫn quyết tâm cùng đơn vị bám sát địa bàn đánh địch. Ngày 22 tháng 6 năm 1949, Liên Trung đoàn đã diệt 1 đại đội Âu Phi 120 tên ở các trận Cầu Sắt, Vĩnh Thông. Ngày 22 tháng 7 năm 1949, diệt 1 tiểu đoàn Lê dương 315 tên, bắt sống 15 tên, thu 138 súng. Cuối tháng 9 năm 1949, lực lượng Trung đoàn 126-128 phối hợp với du kích mở trận đánh lớn vào Vĩnh Trung, huyện Tri Tôn, ta làm chủ con lộ Vĩnh Trung - Nhà Bàn, huy động dân đắp cản Bến Đồi.

Ngày 18 tháng 5 năm 1950, Bộ Tư lệnh Nam Bộ ra quyết định thành lập trung đoàn Tây Đô. Đây là trung đoàn chủ lực đầu tiên ở Miền Tây, đồng chí Huỳnh Thủ làm Trung đoàn trưởng, Nguyễn Văn Sa - Chính trị viên và Lưu Khánh Đức - Trung đoàn phó.

Sự nghiệp cách mạng của Lưu Khánh Đức ngời sáng, có nhiều tiến bộ, quen với chiến trường, từ một cậu học sinh, một cầu thủ bóng đá nay đã có kinh nghiệm tác chiến, có nhiều kinh nghiệm lãnh đạo, được anh em quý mến.

Vốn tính hiền lành, chân thật, tuy ít nói nhưng có tình thương đậm đà, nhã nhặn, khiêm tốn học tập, giúp đỡ tận tình những đồng chí yếu kém, nghiên cứu trận địa, rèn luyện chiến đấu kỹ càng. Lưu Khánh Đức thường dặn dò chiến sĩ “thao trường đổ mồ hôi, chiến trường ít đổ máu”, coi chiến sĩ như anh em một nhà. Nhưng tháng 3 năm 1950, nhận được tin em ruột là Lưu Khánh Diệp tự Tý, Trung đội trưởng địa phương quân huyện Long Phú trong trận tấn công đồn Mương Điều đã anh dũng hy sinh ở tuổi 24, chưa vợ con. Lưu Khánh Đức đã khóc giữa đơn vị và đưa tay thề cùng anh em chiến sĩ trả thù chung cho đất nước trong đó có thù riêng của gia đình mình.

Về hạnh phúc riêng mình, vợ sanh đã hơn 1 năm, chỉ gặp một lần. Chị Nguyễn Thị Thắm phải vất vả bồng cháu Lưu Bạch Tuyết đi lánh mặt, khi ở đầu thân nhân bên mình hoặc bên chồng, chỉ vì là vợ của “Mi - Sên Đức” và nhiều lần phải chịu đựng bom đạn khi lén lút thăm chồng.

Hai ông bà xuôi gia Lưu Tùng và Cả Trừ bị địch bắt đánh đập nhiều lần vì có con, rề nổi danh đánh Pháp. Giặc Pháp ra lệnh cho ông Lưu Tùng viết thư kêu gọi Lưu Khánh Đức trở về đầu hàng, chúng sẽ trọng đãi, còn nếu không chúng sẽ bỏ tù và đốt nhà. Ông Lưu Tùng đã nói thẳng: Máy ông có súng cứ đánh với nó, tôi không dám kêu... Giặc lòng lộn, hung hăng, đốt nhà và tiếp tục đánh đập, bắt tù đầy, ông vẫn cắn răng chịu đựng cương quyết không viết thư kêu con đầu hàng.

Từ Trung đoàn Tây Đô đến khi Trung đoàn giải thể về Long Châu Hà và chiến đấu đến Hiệp định Giơ-ne-vơ đình chiến năm 1954, đồng chí Lưu Khánh Đức vẫn bám sát chiến trường cùng đồng đội quyết tâm tiêu diệt kẻ thù, giải phóng quê hương.

Ngày hòa bình, ngưng tiếng súng, người người gặp nhau rộn rã tiếng cười. Những ngày ấy, Lưu Khánh Đức gặp lại bao người thân thiết của mình. Hai ông xuôi gặp con, rề, kể chuyện năm xưa giặc gây khó khăn, đánh đập, tù đầy và đặc chí tự hào có được ngày nay chiến thắng, bên chén trà bốc khói, say sưa nói cười, tuổi già như trẻ lại.

Người vợ ngày nào lén lút đi thăm chồng và 3 đứa con Lưu Bạch Tuyết 7 tuổi, Lưu Khánh Long 5 tuổi, Lưu Hồng Nga 3 tuổi chưa nhìn rõ mặt cha, hôm nay cũng quây quần bên cha và mấy chú bộ đội.

Còn chuyện vui nữa, có người Italia cao lớn, mũi quặm bị bắt đi lính Pháp, là hàng binh và xin theo bộ đội ta chiến đấu. Người ấy mến phục tài đức của Lưu Khánh Đức nên xin nhận làm em nuôi, lấy họ tên Việt là Lưu Đức Nam, hôm nay rất phấn khởi dẫn vợ Việt Nam do cách mạng cưới về thăm quê hương của người anh nuôi. Sau đình chiến, vợ chồng Nam đi tập kết và sau đó về nước Ý.

Những chuyến tàu tập kết rời Cà Mau ra Miền Bắc, mang biết bao tình thương lưu luyến của kẻ ở người đi. Bao lời ước hẹn sẽ đoàn tụ như tinh thần Hiệp định Giơ-ne-vơ là 2 năm sau Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Mỹ thay Pháp phá hoại Hiệp định, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống thay cho Quốc trưởng Bảo Đại.

Ngô Đình Diệm mở chiến dịch tổ cộng, diệt cộng, thành lập khu dinh điền, khu trù mật, áp chiến lược, bắt bớ giam cầm những người yêu nước, và những người có chồng, con, em tập kết ra Bắc. Luật 10/59, nhà tù, máy chém khắp nơi, chúng giết hại biết bao cán bộ và người dân vô tội, đau thương tang tóc trùm phủ lên miền Nam, máu đọng chưa khô, máu tiếp tục đổ.

Chị Nguyễn Thị Thắm người vợ thủy chung của Lưu Khánh Đức sau 13 năm làm vợ, có 3 đứa con chưa được hưởng hạnh phúc cùng chồng lâu dài. Nay lại phải vất vả hơn thời kháng chiến chống Pháp, phải thay tên đổi họ thành Nguyễn Thị Hai hoặc Lê Thị Lành, trốn đi nơi khác, khi thì lưu lạc ở Rạch Giá, Hà Tiên, Châu Đốc ít về Sóc Trăng vì sợ tên thiếu tá Tòng hãm bắt.

Lưu Khánh Đức ra miền Bắc làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 660, Sư đoàn 330, rồi Tham mưu phó Sư đoàn 338 và sau đó được đi học quân sự ở Trung Quốc.

Những ngày thương nhớ miền Nam nung nấu, nhiều lần đến vùng giới tuyến, nhìn về miền Nam mà lòng đau như dao cắt. Nghe bài hát “Bên ven bờ Hiền Lương”, nhớ da diết cha mẹ già, vợ yếu, con thơ, Lưu Khánh Đức ước ao được Đảng và Bác Hồ cho phép về miền Nam chiến đấu trả thù cho đồng chí, đồng bào.

Ước ao ấy đến đầu năm 1965 mới được toại nguyện, chuẩn bị sẵn sàng từ lâu, Lưu Khánh Đức vui vẻ cùng đồng đội vượt Trường Sơn về Nam chiến đấu. Đoạn đường đầy cam go, gian khổ, vượt rừng già, núi cao, bị sốt rét, bị phù thũng, rồi cũng vượt qua, từ Bộ Tư lệnh miền Nam anh được đưa về miền Tây bằng tàu.

Về mảnh đất U Minh thiêng liêng khắc sâu bao kỷ niệm xưa gặp lại các đồng chí thân quen, ôm chầm nhau, rơi nước mắt. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 phân công anh về làm Tỉnh đội trưởng tỉnh Sóc Trăng, còn gì sung sướng hơn được chiến đấu trên quê hương nhà. Về Sóc Trăng gặp lại những đồng chí thân quen, đồng chí Trần Tứ Phương (Bảy Kiên Cường) tá xung, hữu đột trong trận Tầm Vu lần thứ 4, mệnh danh là Triệu Tử Long là Tỉnh đội phó, đồng chí Nguyễn Văn Xích (Sáu Xích) lừng danh bộ đội ở Cần Thơ giờ lấy tên Sáu Tiến cũng là Tỉnh đội phó và những đồng chí trưởng thành ở miền Nam như đồng chí Huỳnh Văn Út (Tám Thu), Ngô Văn Tảo (Năm Nhẫn), Nguyễn Văn Chương (Mười Tiễn), Nguyễn Thành Hưng (Năm Liêm). Hàng trăm cán bộ tiểu đoàn đều có nhiều thành tích đánh địch như đồng chí Ngô Quang Thành (Ba Nam), Đặng Thành Lư (Dương Tử), Nguyễn Văn Thanh (Năm Thanh),...

Lưu Khánh Đức gặp lại vợ con, người con gái út Lưu Thị Hồng Nga giờ 14 tuổi, từ lâu cháu giữ mãi tấm ảnh của cha, chụp lúc xuống tàu tập kết ra Bắc, lúc ấy cha của Hồng Nga còn trẻ, gầy trong bộ áo lục quân, giờ già dặn, mập mập nên cháu không nhận ra cha. Lưu Khánh Long 16 tuổi, Lưu Bạch Tuyết 18 tuổi. Bàn bạc chuyện gia đình, anh đồng ý cho cháu Bạch Tuyết người con gái lớn ở nhà với mẹ và đưa 2 cháu Khánh Long, Hồng Nga theo cha vào vùng giải phóng học trường Lê Văn Tám. Đồng chí hỏi thăm về xã nhà sau bao năm xa cách, thì biết kẻ còn, người mất, anh vui mừng khi được tin người em chú bác Lưu Khánh Vân, con chú Lưu Hại giờ là Huyện đội trưởng huyện Long Phú nối tiếp con đường Lưu Khánh Tý.

Trong những năm 1965-1966-1967, đồng chí Lưu Khánh Đức tức Ba Dân và các đồng chí lãnh đạo đơn vị lăn lộn khắp nơi trong tỉnh, cùng bộ đội tỉnh, địa phương quân huyện, du kích xã bám sát chiến trường, tìm mọi cách đánh phá địch, đánh khi giặc càn, đánh tập kích, pháo kích, phục kích, công đồn dã viện, đánh đường bộ, đường thủy, bắn máy bay. Phong trào bao vây, đánh lán, đào giao thông hào, áp, xã chiến đấu và phối hợp cùng hai mũi chính trị và binh vận tiến công địch, lập nhiều thành tích vẻ vang, đưa cao trào vũ trang chính trị ngày càng dâng cao.

Mùa xuân Mậu Thân 1968, tỉnh Sóc Trăng cùng cả nước làm cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa kinh hồn bạt vía Mỹ - Ngụy. Lực lượng vũ trang tỉnh, địa phương quân, du kích ào ạt tấn công làm chủ nội ô thị xã cả ngày đêm và bám trụ vùng ven làm tiêu hao, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch.

Tháng 4 năm 1969, Lưu Khánh Đức được điều động về làm Phó Tư lệnh Quân khu 9. Thời gian này, giặc lòng lộn trả đũa và rêu rao sẽ nhổ cỏ U Minh. Địch dùng một lực lượng lớn các chiến đoàn thủy quân lục chiến A - B, Sư đoàn 21,... càn quét. Nhưng với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, đồng chí Lưu Khánh Đức đã cùng các

đồng chí Đồng Văn Lông, Ba Mai, Mười Đệ lãnh đạo lực lượng quân sự tiến công địch quyết liệt, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đập tan ý đồ bình định U Minh của chúng.

Ngày 24 tháng 7 năm 1971, trong lúc chỉ huy đánh địch ở U Minh thượng, đồng chí Lưu Khánh Đức bị thương nặng, mất máu nhiều, biết không thể qua khỏi, đồng chí vẫn bình tĩnh dặn dò cán bộ, chiến sĩ quân y hãy yên tâm thắng lợi đã gần kề. Đồng chí dặn đứa con trai duy nhất là Lưu Khánh Long đừng cho Lưu Hồng Nga đang công tác ở Khoa dược quân y biết, sợ con mình đau buồn ảnh hưởng đến sức khỏe, công tác, và đồng chí đã thanh thản ra đi ở tuổi đời 49.

Trung tướng Nguyễn Đệ (Ba Trung - nguyên Tư lệnh Quân khu 9) đã viết trong hồi ký mình: “Được tin tôi ngây người sững sốt không cầm được nước mắt, thương anh vô cùng, tôi nguyện trả thù cho anh”.

Đồng chí Lưu Khánh Đức tức Ba Dân người Phó Tư lệnh Quân khu 9, Tỉnh ủy viên, Tỉnh đội Trưởng Sóc Trăng tài đức song toàn, người con trung dũng của quê hương Sóc Trăng kiên cường, người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam bất khuất, người con hiếu thảo của gia đình họ Lưu, người chồng chung thủy của chị Nguyễn Thị Thắm, người cha mẫu mực của 3 cháu Tuyết, Long, Nga, đã vĩnh biệt chúng ta khi tuổi gần 50, nhưng sự nghiệp cách mạng và chiến công của anh vẫn đời đời khắc sâu vào trang sử vàng oanh liệt của dân tộc Việt Nam.